

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/DS-ST;

Ngày: 31/5/2023

V/v tranh chấp “Đòi tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TIỀN GIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Lê Thị Thu Yến;**

2/ Ông **Nguyễn Tất Ái;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Kim Ngân**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Cẩm Thuý** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Đòi tài sản” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST-DS ngày 18/5/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV B.**

Trụ sở: Số 171 Lê Thị H Gấm, Phường P, thành phố Q, Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn N** – chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 125/3 Lý Thường Kiệt, tổ 10, Khu phố 8, Phường O, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang. (Theo Giấy uỷ quyền ngày 03/11/2020).

*** Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh P**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 188 Khu phố 2, Phường I, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà **Phan Thị N1**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 171 Lê Thị H Gấm, Phường U, thành phố Q, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 125/3 Lý Thường Kiệt, Tổ 10, Khu phố 8, Phường O, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang. (Theo Giấy uỷ quyền ngày 30/01/2021).

2/ Chị **Hạ Thị H L1**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện H, tỉnh Bến Tre.

3/ Chị **Huỳnh Trúc L2**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện H, tỉnh Bến Tre.

4/ Chị **Quách H**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện H, tỉnh Bến Tre.

(Anh D có mặt; các đương sự khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Vào ngày 10/5/2018 Công ty TNHH MTV B (gọi tắt là Công ty) có thuê anh Huỳnh Thanh P làm thuyền trưởng chạy tàu dịch vụ hậu cần nghề cá theo Hợp đồng lao động số 20/HĐLD/2018 ngày 10/5/2018, phân công anh P thu mua cá, mực. Sau khi tàu chạy ra biển, anh P không mua cá, mực mà điện báo ông N là phải mua dầu để đổi cá, mực. Ông N đồng ý và yêu cầu anh P mua dầu của ông Lý. Anh P không mua dầu của ông Lý mà mua dầu của anh Nguyễn Văn Út với số lượng 120.000 lít, giá 13.900 đồng/lít thành tiền 1.668.000.000 đồng. Anh P xác nhận có mua dầu của anh Nguyễn Văn Út, nên ông N có trả tiền cho anh Nguyễn Văn Út số tiền 1.668.000.000 đồng. Anh P đã bán dầu cho chị Huỳnh Trúc L2 là chủ tàu Huỳnh Hoa 43.750 lít, giá 14.900 đồng/lít thành tiền 651.875.000 đồng; bán dầu cho anh Quách H chủ tàu Thanh H 25.000 lít, giá 14.900 đồng/lít thành tiền 372.500.000 đồng; bán dầu cho chị Hà Thị H L1 là chủ tàu Trung Hiếu 35.000 lít, giá 14.900 đồng/lít thành tiền 521.500.000 đồng. Tổng cộng, anh P bán dầu cho ba chủ tàu với số tiền là 1.545.875.000 đồng. Ba chủ tàu đã có giấy xác nhận đã trả tiền đủ cho anh. Sau khi thu tiền bán dầu của ba chủ tàu, anh P có trả cho Công ty 250.000.000 đồng và còn nợ lại Công ty 1.295.875.000 đồng. Nay Công ty TNHH MTV B yêu cầu anh Huỳnh Thanh P trả cho Công ty TNHH MTV B số tiền 1.295.875.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Thanh P trình bày: Anh có nhận bơm 120.00 lít dầu của tàu nước ngoài, không biết tàu của ai. Anh không có xác nhận bơm dầu của Nguyễn Văn Út. Anh có bơm bán dầu cho chủ tàu Huỳnh Hoa, chủ tàu Thanh H và chủ tàu Trung Hiếu số lượng dầu N giấy ghi và phía ông N nói. Anh không có nhận số tiền N các chủ tàu xác nhận, không có biên nhận trả số tiền này cho ông. Mỗi lần nhận tiền của các chủ tàu bao nhiêu là anh giao lại cho

bà N1 (vợ ông N), số tiền nhận bao nhiêu anh không nhớ. Anh nhớ đưa cho bà N1 khoảng 5-6 lần, hơn số tiền 250.000.000 đồng, Nng không nhớ cụ thể. Ông N có yêu cầu cháu ông N xuống gặp những chủ tàu bơm dầu để yêu cầu các chủ tàu trả tiền. Số tiền còn lại các chủ tàu có trả đủ cho ông N, bà N1 hay chưa thì anh không rõ.

* Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 04/01/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị H L1 trình bày: Chị là chủ tàu Trung Hiếu. Chị có mua dầu của Công ty TNHH MTV B với số lượng 35.000 lít, giá 14.900 đồng/lít, thành tiền 521.500.000 đồng. Anh P là người trực tiếp bán và nhận tiền. Ngày 20/10/2018, chị có làm biên nhận cho Công ty về việc xác nhận số tiền mua bán dầu chị đã thanh toán đầy đủ cho anh P. Do bận việc nên chị L1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 04/01/ 2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Quách H trình bày: Chị là chủ tàu Huỳnh Hoa. Chị có mua dầu của Công ty TNHH MTV B với số lượng 25.000 lít, giá 14.900 đồng/lít, thành tiền 372.500.000 đồng. Anh P – thuyền trưởng của tàu B - là người trực tiếp bán và nhận tiền. Chị đã thanh toán hết số tiền trên cho anh P. Ngày 20/10/2018, chị có làm biên nhận cho Công ty về việc xác nhận số tiền mua bán dầu anh đã thanh toán đầy đủ cho anh P là tài công của Công ty. Do bận việc nên chị có đơn xét xử vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Tại các Biên bản ghi lời khai của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang chị Huỳnh Trúc L2 trình bày: Chị là chủ tàu Huỳnh Hoa. Vào khoảng tháng 05/2018, khi tàu Huỳnh Hoa đang đánh bắt cá trên vùng biển của Việt Nam, Tàu Huỳnh Hoa thấy tàu cá do anh Huỳnh Thanh P bị cháy nên tàu cá của chị và một số tàu cá khác giúp tàu do anh P làm thuyền trưởng dập lửa. Sau khi dập lửa, được biết trên tàu của Công ty B chứa nhiều dầu và anh P muốn bán lại nên chị là anh Lý Quang Vũ đã thoả thuận mua lại dầu trên tàu cá do anh P làm thuyền trưởng. Do thời gian đã lâu và việc thoả thuận mua bán là do anh Lý Quang Vũ thoả thuận với anh P nên về giá cả và số lượng dầu, chị L2 không nhớ rõ. Sau khi mua dầu được vài tuần, anh P có gặp trực tiếp chị để lấy tiền, chị đã trả đủ tiền mua dầu cho anh P Nng không có viết biên nhận, thời gian đã lâu nên chị cũng không nhớ rõ số tiền chị đã trả cho anh P.

* Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của Công ty.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng N tại phiên tòa. Về nội dung xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Công ty khởi kiện yêu cầu anh P trả cho Công ty số tiền mà anh P nhận thanh toán từ ba chủ tàu mua dầu với số tiền là 1.295.875.000 đồng. Do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Đòi tài sản” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đang cư trú tại số 188 Khu phố 2, Phường 9, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Q có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Anh P, chị L1 và chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; chị L2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai Nng vẫn vắng mặt, do đó căn cứ Điều 228 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty, Tòa án xét thấy:

Theo Hợp đồng lao động số 20/HĐLD/2018 ngày 10/5/2018 giữa Công ty và anh P thể hiện: Công ty thuê anh P làm thuyền trưởng cho tàu đánh bắt cá mang biển kiểm soát TG94609TS. Anh P có nhiệm vụ chăm công, quản lý thuyền viên, thực hiện các nhiệm vụ giao dịch mua cá mực ... Sau khi ký hợp đồng lao động, vài ngày sau tàu đánh bắt cá mang biển kiểm soát TG94609TS do anh P làm thuyền trưởng đã ra biển tiến hành mua cá mực. Trước khi tàu khởi hành, ông N đã đưa cho anh P 200.000.000 đồng tiền mua cá mực. Khi tàu cá ra biển, anh P không thực hiện việc mua cá mực theo mà anh P mua 120.000 lít dầu, giá mỗi lít dầu là 13.900 đồng, thành tiền là 1.668.000.000 đồng. Cùng thời điểm này, ông Nguyễn Văn Út (người bán dầu cho anh P) liên hệ với ông N để yêu cầu Công ty trả số tiền mua dầu là 1.668.000.000 đồng. Được sự xác nhận của anh P, Công ty đã thực hiện việc trả tiền mua dầu cho ông Nguyễn Văn Út với tổng số tiền là 1.668.000.000 đồng. Tại vùng biển Việt Nam, tàu cá bốc cháy, anh P nhờ các tàu cá lân cận dập lửa. Sau khi dập lửa, anh P đã bán dầu cho tàu cá Huỳnh Hoa (do chị Huỳnh Thị Trúc L2 là chủ tàu) 43.750 lít, giá 14.900 đồng/lít thành tiền 651.875.000 đồng; bán dầu cho tàu cá Thanh H (chị Quách H là chủ tàu) 25.000 lít, giá 14.900 đồng/lít thành tiền 372.500.000 đồng; bán dầu cho tàu cá Trung Hiếu (chị Hà Thị H L1 là chủ tàu) 35.000 lít, giá 14.900 đồng/lít thành tiền 521.500.000 đồng. Tổng cộng, anh P bán dầu cho ba chủ tàu với số tiền là 1.545.875.000 đồng. Sau khi tàu về bến, anh P trả lại cho Công ty thông qua bà Phan Thị N1 200.000.000 đồng tiền mua cá mực ban đầu và 250.000.000 đồng tiền bán dầu cho các chủ tàu.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của các đương sự, người làm chứng có đủ cơ sở xác định: Tháng 05/2018, anh P là thuyền trưởng của tàu cá mang biển kiểm soát TG94609TS mua 120.000 lít dầu, giá mỗi lít dầu là 13.900 đồng, thành tiền là 1.668.000.000 đồng. Công ty là người trả số tiền mua dầu cho ông Nguyễn Văn Út. Tại vùng biển thuộc hải phận Việt Nam, anh P đã bán cho tàu cá Huỳnh Hoa (do chị Huỳnh Thị Trúc L2 là chủ tàu) 43.750 lít, giá 14.900 đồng/lít thành tiền 651.875.000 đồng; bán dầu cho tàu cá Thanh H (chị Quách H là chủ tàu) 25.000 lít, giá 14.900 đồng/lít thành tiền 372.500.000 đồng; bán dầu cho tàu cá Trung Hiếu (chị Hà Thị H L1 là chủ tàu) 35.000 lít, giá 14.900 đồng/lít thành tiền 521.500.000 đồng. Tổng cộng, anh P bán dầu của Công ty cho ba chủ tàu với số tiền là 1.545.875.000 đồng.

Các chủ tàu trình bày, các chủ tàu thoả thuận mua bán dầu với anh P và đã trả toàn bộ số tiền mua dầu cho anh P. Anh P cho rằng, trước khi bán dầu cho các chủ tàu được sự đồng ý của Công ty; khi các chủ tàu trả tiền cho anh P, anh P đã đưa lại cho Công ty và bà N1, tuy nhiên đưa với số tiền bao nhiêu thì anh P không rõ. Anh D là đại diện uỷ quyền của Công ty và bà N1 chỉ thừa nhận anh P chỉ đưa trả cho Công ty 02 lần tiền bán dầu, với tổng số tiền là 250.000.000 đồng. Xét thấy, anh P trình bày đã trả toàn bộ số tiền bán dầu cho bà N1, tuy nhiên đại diện uỷ quyền của bà N1 chỉ thừa nhận đã nhận 250.000.000 đồng trên tổng số tiền 1.545.875.000 đồng, đồng thời anh P cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả toàn bộ số tiền 1.545.875.000 đồng cho bà N1 nên yêu cầu khởi kiện của Công ty là có cơ sở, do đó Toà án chấp nhận yêu cầu của Công ty, buộc anh P có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền là 1.295.875.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Anh P phải chịu 50.876.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 147, 227, 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV B.

Buộc anh Huỳnh Thanh P có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV B số tiền là 1.295.875.000 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Anh Huỳnh Thanh P có nghĩa vụ chịu 50.876.000 đồng (Năm mươi triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty TNHH MTV B (do ông Nguyễn Văn N làm đại diện theo pháp luật) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.438.125 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0002392 ngày 12/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án卷 (11b).

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy